HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH TÍN CHỈ CARBON TẠI VIỆT NAM: KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ GÓC NHÌN TỪ CÁC CHUYÊN GIA

PGS.TS. Nguyễn Thị Hoa Hồng*

Nghiên cứu này tập trung phân tích hoạt động giao dịch tín chỉ carbon tại Việt Nam trong bối cảnh quốc gia cam kết đạt phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050. Dựa trên ba hướng tiếp cận chính: phân tích khung pháp lý, đối chiếu kinh nghiệm quốc tế và phỏng vấn sâu chuyên gia, nghiên cứu đánh giá mức độ sẵn sàng và rào cản của thị trường. Kết quả cho thấy Việt Nam đã xây dựng khung pháp lý nền tảng nhưng hoạt động giao dịch nội địa vẫn rất hạn chế và thanh khoản thấp. Bên cạnh đó là sự thiếu hụt các hướng dẫn thực thi chi tiết về kế toán, thuế đối với tín chỉ carbon. Nghiên cứu khuyến nghị Việt Nam cần ưu tiên hoàn thiện các quy định về tài chính và kế toán để loại bỏ rào cản pháp lý cho hoạt động giao dịch, đồng thời xây dựng cơ chế hỗ trợ vốn có mục tiêu nhằm thúc đẩy khối lượng giao dịch và đảm bảo sự vận hành minh bạch, hiệu quả của giao dịch tín chỉ carbon.

• Từ khóa: *giao dịch tín chỉ carbon, góc nhìn chuyên gia kinh nghiệm quốc tế, thị trường tín chỉ carbon.*

This study examines carbon credit trading in Vietnam in the context of the country's commitment to achieving net-zero emissions by 2050. Using three complementary approaches including legal framework analysis, international benchmarking, and in-depth expert interviews, the research assesses market readiness and identifies key barriers. The findings indicate that although Vietnam has established a foundational legal framework, domestic carbon credit trading remain limited with low market liquidity. In addition, the absence of detailed implementation guidelines, particularly on accounting and taxation for carbon credits, continues to hinder market participation. The study recommends prioritizing the completion of financial and accounting regulations to remove legal obstacles, alongside developing targeted financial support mechanisms to enhance transaction volume and ensure a transparent and efficient carbon credit market.

• Key words: *carbon credit trading, expert insights, international experience, carbon credit market.*

Ngày nhận bài: 25/6/2025
Ngày gửi phản biện: 05/12/2025
Ngày duyệt đăng: 08/01/2026

DOI: https://doi.org/10.71374/jfarv.v25.i305.19

1. Đặt vấn đề

Biến đổi khí hậu đang tạo ra những sức ép chưa từng có đối với tăng trưởng kinh tế, phát triển bền vững và an ninh môi trường toàn cầu. Các quốc gia đều đang phải điều chỉnh chiến lược phát triển theo hướng giảm phát thải khí nhà kính, qua đó đòi hỏi sự kết hợp đồng bộ giữa công cụ pháp lý và công cụ kinh tế. Trong số các công cụ đó, thị trường tín chỉ carbon được xem là một cơ chế quan trọng giúp tối ưu chi phí giảm phát thải, thúc đẩy đổi mới công nghệ và tạo động lực cho khu vực doanh nghiệp chuyển đổi theo hướng phát triển xanh. Trên thế giới, cả thị trường bắt buộc và tự nguyện đều phát triển mạnh, với sự tham gia ngày càng sâu của doanh nghiệp trong các lĩnh vực năng lượng, công nghiệp, nông nghiệp, tài chính xanh và chuỗi cung ứng toàn cầu.

Tại Việt Nam, cam kết đạt phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050 đặt ra yêu cầu cấp thiết phải xây dựng và vận hành hiệu quả thị trường carbon trong nước. Khung pháp lý nền tảng đã được ban hành, song hoạt động giao dịch tín chỉ carbon của doanh nghiệp vẫn còn rất hạn chế và chưa hình thành thị trường thứ cấp thực sự. Nhiều doanh nghiệp chưa hiểu rõ lợi ích, còn thiếu năng lực kỹ thuật, thiếu thông tin và gặp rủi ro khi khung hướng dẫn chi tiết vẫn đang hoàn thiện; trong khi đó, phần lớn tiềm năng tín chỉ carbon trong các lĩnh vực như rừng, năng lượng tái tạo hay nông nghiệp carbon thấp vẫn chưa được khai thác đầy đủ. Do vậy, việc nhận diện những khó khăn, rào cản và cơ hội đối với doanh nghiệp là vấn đề vừa mang tính học thuật, vừa mang tính thực tiễn và thời sự.

Xuất phát từ bối cảnh đó, nghiên cứu này tập trung làm rõ hoạt động giao dịch tín chỉ carbon của doanh nghiệp tại Việt Nam thông qua ba hướng tiếp cận chính. Thứ nhất, nghiên cứu phân tích khung pháp lý và thực tiễn triển khai giao dịch tín chỉ

** Trường Đại học Ngoại thương; email: hongnth@ftu.edu.vn*

Bài viết là sản phẩm của đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ GDĐT: "Ảnh hưởng của hoạt động giao dịch tín chỉ carbon đến giá trị cổ đông của các công ty niêm yết tại Việt Nam", mã số đề tài: B2025-NTH-01

carbon trong nước để đánh giá mức độ sẵn sàng của thị trường. Thứ hai, nghiên cứu đối chiếu với kinh nghiệm của các thị trường quốc tế đã phát triển, nhằm rút ra các bài học phù hợp với điều kiện của Việt Nam. Thứ ba, nghiên cứu khai thác góc nhìn chuyên sâu từ các chuyên gia thông qua phương pháp phỏng vấn sâu, nhằm phản ánh những nhận định mang tính thực chứng về nhu cầu, rủi ro, rào cản cũng như động lực chuyển đổi của doanh nghiệp. Trên cơ sở tổng hợp ba hướng tiếp cận này, nghiên cứu đề xuất các giải pháp và khuyến nghị nhằm thúc đẩy hoạt động giao dịch tín chỉ carbon theo hướng hiệu quả, minh bạch và bền vững, qua đó đóng góp vào mục tiêu giảm phát thải quốc gia và chiến lược phát triển kinh tế xanh.

2. Tổng quan về hoạt động giao dịch tín chỉ carbon của doanh nghiệp tại Việt Nam

2.1. Các quy định pháp lý về hoạt động giao dịch tín chỉ carbon tại Việt Nam

Khung pháp lý điều chỉnh hoạt động giao dịch tín chỉ carbon tại Việt Nam được thiết lập dựa trên nền tảng Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020 và Nghị định 06/2022/NĐ-CP. Luật Bảo vệ Môi trường lần đầu tiên luật hóa việc tổ chức và phát triển thị trường carbon trong nước, coi đây là công cụ kinh tế quan trọng để giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, đồng thời giao Chính phủ xây dựng lộ trình và hệ thống quản lý nhà nước về giảm phát thải. Nghị định 06/2022/NĐ-CP đóng vai trò là văn bản hướng dẫn khởi đầu, đặt ra các yêu cầu cơ bản về kiểm kê khí nhà kính và nguyên tắc thẩm định kết quả giảm phát thải cho các cơ sở lớn.

Để hoàn thiện khung pháp lý ở cấp thực thi và đưa thị trường vào vận hành thực tế, Nghị định 119/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 06 đã được ban hành với nhiều điểm đột phá. Văn bản này không chỉ làm rõ quy trình cấp và quản lý tín chỉ carbon thông qua hệ thống đăng ký quốc gia, mà quan trọng hơn là thiết lập cơ chế phân bổ hạn ngạch phát thải (quota) cho các lĩnh vực trọng điểm trong giai đoạn thí điểm. Nghị định cũng quy định cụ thể về tỷ lệ doanh nghiệp được phép sử dụng tín chỉ carbon để bù trừ (offset) cho phần phát thải vượt hạn ngạch, đảm bảo sự cân bằng giữa mục tiêu môi trường và lợi ích kinh tế. Đồng thời, các quy định này được xây dựng tương thích với Điều 6 Thỏa thuận Paris, tạo tiền đề cho việc liên kết với thị trường carbon quốc tế.

Về đối tượng và kỹ thuật thực hiện, Quyết định số 13/2024/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đã cập nhật danh mục 2.166 cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê, mở rộng phạm vi quản lý so với trước đây. Song song đó, hệ thống các thông tư kỹ thuật chuyên ngành, điển hình như Thông tư 38/2023/TT-BCT (lĩnh vực Công Thương) hay các hướng dẫn trong lĩnh vực chất thải và nông - lâm nghiệp, đã cung cấp quy chuẩn chi tiết cho hoạt động đo đạc - báo cáo - thẩm định (MRV). Đây là cơ sở pháp lý bắt buộc để chuẩn hóa số liệu, đảm bảo tính minh bạch và khả năng kiểm chứng của từng đơn vị tín chỉ carbon được tạo ra.

Nhìn chung, Việt Nam đã xây dựng được khung pháp lý "xương sống" để doanh nghiệp có thể tạo lập, sở hữu và bắt đầu tham gia thị trường carbon. Tuy nhiên, để hoạt động giao dịch thực sự bùng nổ và hiệu quả, các quy định hướng dẫn chi tiết về cơ chế tài chính, chế độ kế toán - thuế đối với tài sản tín chỉ carbon, cũng như quy chế vận hành cụ thể của sàn giao dịch vẫn cần được Nhà nước khẩn trương hoàn thiện nhằm bảo đảm tính đồng bộ và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các chủ thể tham gia trong thời gian tới

2.2. Thực trạng hoạt động giao dịch tín chỉ carbon của doanh nghiệp tại Việt Nam

Thị trường tín chỉ carbon tại Việt Nam được xác định là đang ở giai đoạn chuyển đổi chiến lược từ thị trường tự nguyện sang thiết lập Hệ thống giao dịch phát thải (ETS), tuy nhiên, tính thanh khoản và sự chủ động của doanh nghiệp trong thị trường nội địa vẫn còn nhiều hạn chế. Theo thống kê từ Cục Biến đổi Khí hậu năm 2025, cơ chế thị trường tự nguyện đã mang lại khoảng 40,2 triệu tín chỉ theo các tiêu chuẩn quốc tế như CDM, VCS và GS, được tạo ra từ hơn 150 dự án và chủ yếu được giao dịch trên thị trường quốc tế. Sự khác biệt cốt lõi giữa hai thị trường này là thị trường tự nguyện chỉ mua bán tín chỉ (credit) theo mục tiêu ESG, còn thị trường bắt buộc (ETS), được thiết lập theo lộ trình của Nghị định 06/2022/NĐ-CP và Nghị định 119/2025/NĐ-CP, dựa trên việc phân bổ hạn ngạch phát thải (cap) và áp đặt nghĩa vụ tuân thủ cho 2.166 cơ sở lớn theo Quyết định 13/2024/QĐ-TTg.

Mặc dù khung pháp lý cho giai đoạn thí điểm ETS (2025-2027) đã được ban hành, tính thanh khoản nội địa của thị trường vẫn còn ở mức thấp và thụ động. Theo đánh giá của các chuyên gia kinh tế, thị trường vẫn đang bị cản trở bởi ba rào cản chính: Thứ nhất, thiếu các hướng dẫn tài chính

và thể chế chi tiết, bao gồm chế độ kế toán, thuế và quy trình niêm yết/giao dịch tín chỉ. Thứ hai, năng lực tuân thủ và vận hành hệ thống Đo đạc - Báo cáo - Thẩm định (MRV) của nhiều doanh nghiệp, đặc biệt là SMEs, chưa đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật nghiêm ngặt. Thứ ba, nhận thức và động lực đầu tư vào công nghệ giảm phát thải của cộng đồng doanh nghiệp vẫn còn thấp do thiếu cơ chế tài chính hỗ trợ vốn đầu tư (Dũng Nguyễn, 2024).

Tuy nhiên, phân khúc tín chỉ carbon rừng và nông nghiệp lại nổi lên như những điểm sáng có tính thanh khoản cao nhất trong thị trường tự nguyện của Việt Nam. Điển hình, Việt Nam đã thành công trong việc chuyển nhượng 10,3 triệu tấn CO2 giảm phát thải trong lĩnh vực lâm nghiệp cho Ngân hàng Thế giới, thu về 51,5 triệu USD (Chương Phượng, 2024), và tiềm năng của ngành nông nghiệp ước tính đạt 57 triệu tín chỉ carbon mỗi năm (Chu Khôi, 2024). Thành công này chứng minh tiềm năng lớn của tài nguyên thiên nhiên trong các giao dịch song phương quốc tế. Nó khẳng định vai trò quan trọng của tín chỉ từ các dự án tự nguyện như một nguồn cung tín chỉ bù trừ tiềm năng cho Thị trường Bắt buộc (ETS) sắp tới. Do đó, việc thiết lập sàn giao dịch chính thức để quản lý việc mua bán hạn ngạch và điều tiết nguồn tín chỉ bù trừ nội địa là nhiệm vụ then chốt cần được khẩn trương hoàn thiện nhằm đảm bảo sự vận hành đồng bộ của ETS theo lộ trình đã định.

3. Kinh nghiệm của các nước trên thế giới về hoạt động giao dịch tín chỉ carbon của doanh nghiệp

Các quốc gia và khu vực đi đầu trong việc thiết lập cơ chế định giá carbon (ETS) đã cung cấp nhiều mô hình tham chiếu quan trọng cho Việt Nam, đặc biệt trong việc cân bằng giữa nghĩa vụ giảm phát thải và hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi công nghệ.

***Liên minh Châu Âu (EU ETS)*:** Hệ thống EU ETS (thành lập năm 2005) được xem là mô hình phát triển thị trường carbon thành công nhất và có ảnh hưởng toàn cầu. Thành công của EU ETS đến từ việc áp dụng nguyên lý "giảm phát thải nơi rẻ nhất" thông qua cơ chế mua bán hạn ngạch, giúp các quốc gia thành viên giảm hơn 20% lượng phát thải CO_2 trong giai đoạn 2005-2020. Hệ thống này nổi bật bởi sự minh bạch cao trong giám sát (MRV), chế độ phạt nghiêm ngặt đối với các hành vi không tuân thủ, và việc thiết lập các cơ chế tài chính chuyên biệt (như các quỹ hỗ trợ công nghệ sạch) nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, từ đó thúc đẩy chuyển đổi công nghệ một cách hiệu quả.

Trung Quốc (China ETS): Trung Quốc bắt đầu triển khai China ETS vào năm 2021 và nhanh chóng trở thành hệ thống giao dịch hạn ngạch phát thải lớn nhất thế giới, chủ yếu bao gồm các doanh nghiệp trong ngành năng lượng và sản xuất thép. Thành công ban đầu của China ETS (giảm khoảng 2% tổng lượng CO_2 phát thải trong năm đầu) cho thấy hiệu quả của việc áp dụng quy mô lớn. Đặc điểm nổi bật của mô hình Trung Quốc là sự hỗ trợ tài chính mạnh mẽ từ chính phủ (thông qua các khoản vay ưu đãi và cơ chế khuyến khích đầu tư) để giúp các doanh nghiệp lớn áp dụng công nghệ sạch. Mô hình này cũng duy trì yêu cầu báo cáo phát thải định kỳ và các tiêu chuẩn nghiêm ngặt cho việc cấp tín chỉ carbon bù trừ (offset).

Hàn Quốc (K-ETS): Hệ thống K-ETS (ra đời năm 2015) là một trong những mô hình đáng chú ý tại khu vực Châu Á, đặc biệt bởi sự tập trung vào hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs). K-ETS đã giảm được khoảng 1,5 triệu tấn CO_2 mỗi năm từ các ngành công nghiệp lớn. Yếu tố thành công của Hàn Quốc là việc Chính phủ thiết lập các biện pháp hỗ trợ tài chính như tài trợ và vay ưu đãi để giúp SMEs tham gia vào thị trường mà không gặp phải rào cản chi phí quá lớn, đồng thời phát triển các tiêu chuẩn chất lượng tín chỉ carbon rõ ràng.

New Zealand (NZ ETS): New Zealand đã triển khai NZ ETS từ năm 2008 và được xem là quốc gia tiên phong trong việc áp dụng cơ chế định giá carbon mở rộng. Điểm độc đáo của NZ ETS là sự tham gia của cả ngành nông nghiệp (lĩnh vực đóng góp lớn vào phát thải quốc gia), chứng minh khả năng áp dụng ETS cho các lĩnh vực phức tạp và phân tán. Chính phủ New Zealand sử dụng các cơ chế tài chính như trợ cấp để hỗ trợ nông dân chuyển đổi phương thức sản xuất giảm phát thải, cho thấy mô hình này không chỉ giới hạn ở các doanh nghiệp phát thải lớn.

Singapore (Carbon Tax & Offsets): Singapore, mặc dù áp dụng Thuế Carbon thay vì ETS truyền thống, cung cấp bài học về việc định giá carbon một cách rõ ràng và quyết liệt từ năm 2019. Cơ chế này áp dụng mức thuế suất đối với các cơ sở phát thải trên 25.000 tấn CO_2e và có lộ trình tăng thuế suất định kỳ (mục tiêu S$50-80/tấn vào 2030). Bài học quan trọng từ Singapore là việc cho phép các doanh nghiệp sử dụng tín chỉ carbon quốc tế chất lượng cao (được phê duyệt) để bù trừ

một phần nghĩa vụ thuế, qua đó vừa duy trì tín hiệu giá carbon mạnh mẽ trong nước vừa thúc đẩy hợp tác giảm phát thải toàn cầu.

Hoa Kỳ (California Cap-and-Trade): Hệ thống California Cap-and-Trade (triển khai từ 2013) là mô hình giao dịch tín chỉ carbon thành công nhất tại Hoa Kỳ. Chương trình này đã thúc đẩy các doanh nghiệp đầu tư vào công nghệ tiết kiệm năng lượng và năng lượng tái tạo, kiểm soát hiệu quả lượng phát thải của toàn bộ hệ thống thông qua cơ chế linh hoạt.

4. Góc nhìn từ các chuyên gia tại Việt Nam

4.1. Phương pháp và quy trình phỏng vấn sâu

Để bổ sung góc nhìn định tính cho phần phân tích khung pháp lý và kinh nghiệm quốc tế, nghiên cứu tiến hành phỏng vấn sâu bán cấu trúc với một số chuyên gia đang trực tiếp tham gia hoặc có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực thị trường carbon và tín chỉ carbon tại Việt Nam. Trong giai đoạn từ 6/2025 đến 10/2025, nhóm tác giả đã phỏng vấn 08 chuyên gia, gồm cán bộ cơ quan quản lý và viện nghiên cứu chính sách, đại diện các doanh nghiệp phát thải lớn hoặc phát triển dự án tín chỉ carbon, cùng chuyên gia đến từ các tổ chức tư vấn và tổ chức quốc tế đang hỗ trợ Việt Nam trong xây dựng thị trường carbon và triển khai tài chính xanh:

Các chuyên gia được lựa chọn theo tiêu chí: (i) có tối thiểu 5 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực liên quan (biến đổi khí hậu, thị trường carbon, tài chính xanh, ESG…); (ii) đang hoặc đã tham gia trực tiếp vào quá trình tư vấn/xây dựng chính sách, triển khai dự án tín chỉ carbon hoặc cung cấp dịch vụ tư vấn liên quan cho doanh nghiệp; (iii) sẵn sàng chia sẻ quan điểm một cách cởi mở trên cơ sở ẩn danh.

Công cụ phỏng vấn là bộ câu hỏi bán cấu trúc xoay quanh bốn nhóm chủ đề chính bao gồm: (1) Đánh giá của chuyên gia về khung pháp lý và thể chế cho thị trường tín chỉ carbon tại Việt Nam; (2) Nhận định về mức độ sẵn sàng, khó khăn và động lực của doanh nghiệp trong nước khi tham gia giao dịch tín chỉ carbon; (3) Đánh giá cơ hội, thách thức và những lĩnh vực tiềm năng (như rừng, nông nghiệp, năng lượng tái tạo); (4) Đề xuất, khuyến nghị về chính sách và cơ chế hỗ trợ cho doanh nghiệp và các bên liên quan. Các cuộc phỏng vấn kéo dài trung bình 45-60 phút, được ghi âm với sự đồng thuận của chuyên gia, sau đó chuyển biên và phân tích theo phương pháp phân tích nội dung theo chủ đề, thông qua các bước đọc toàn văn bản ghi, mã hóa ý chính, nhóm chủ đề và lựa chọn trích dẫn tiêu biểu minh hoạ.

4.2. Đánh giá của chuyên gia về khung pháp lý và thể chế

Kết quả phỏng vấn cho thấy hầu hết các chuyên gia đều ghi nhận những bước tiến đáng kể của Việt Nam trong việc hình thành khung pháp lý quốc gia cho thị trường tín chỉ carbon. Các văn bản pháp luật cấp quốc gia như Luật Bảo vệ môi trường 2020 và các nghị định hướng dẫn được đánh giá là đã tạo ra cấu trúc nền tảng để tổ chức thị trường carbon trong nước. Tuy vậy, các chuyên gia cũng nhấn mạnh rằng sự đầy đủ về mặt văn bản chưa đồng nghĩa với khả năng vận hành hiệu quả trên thực tế. Một chuyên gia thuộc nhóm cơ quan quản lý nhà nước nhận định: "Về mặt khung, có thể nói Việt Nam đã 'đi khá nhanh' so với nhiều nước đang phát triển khác. Luật, nghị định, thông tư về kiểm kê khí nhà kính, phân bổ hạn ngạch, cơ chế thị trường carbon đều đã có. Nhưng khoảng trống lớn nằm ở chỗ hướng dẫn thực thi cụ thể, đặc biệt là cách ghi nhận tín chỉ carbon, cơ chế chia sẻ lợi ích và phối hợp liên ngành". Một chuyên gia nghiên cứu chính sách cũng nhấn mạnh tính chưa hoàn thiện của nền tảng kỹ thuật và thể chế hỗ trợ khi cho rằng: "Chúng ta đang có khung pháp lý trên giấy tương đối đầy đủ, nhưng để biến nó thành một thị trường vận hành thực chất thì cần thêm một bước dài: từ xây dựng hạ tầng số, hệ thống đăng ký quốc gia, đến các quy định rất cụ thể về quyền sở hữu, kế toán, thuế đối với tín chỉ carbon". Những ý kiến này cho thấy khung pháp luật quốc gia tuy đang dần hoàn thiện nhưng vẫn cần các hướng dẫn chi tiết để đảm bảo khả thi.

4.3. Mức độ sẵn sàng và rào cản đối với doanh nghiệp

Góc nhìn từ doanh nghiệp thể hiện rõ sự phân hóa trong mức độ sẵn sàng tham gia thị trường tín chỉ carbon. Các doanh nghiệp quy mô lớn, đặc biệt trong các lĩnh vực phát thải cao như năng lượng, công nghiệp hoặc nông nghiệp, đã bắt đầu tiếp cận các dự án giảm phát thải theo tiêu chuẩn quốc tế. Tuy nhiên, phần lớn doanh nghiệp vừa và nhỏ vẫn chưa có động lực hoặc khả năng tham gia. Một đại diện doanh nghiệp phát thải lớn thẳng thắn chia sẻ về thách thức chi phí và sự bất định: "Chúng tôi hiểu là sớm muộn gì ETS cũng vận hành, nên bắt buộc phải tính toán. Tuy nhiên, việc đầu tư công nghệ giảm phát thải, xây dựng dự án tín chỉ

carbon, thuê tư vấn, làm MRV… chi phí rất lớn, trong khi lợi ích tài chính từ tín chỉ carbon thì chưa nhìn thấy rõ ràng ngay lập tức". Một chuyên gia tư vấn ESG cũng chỉ ra hạn chế nội tại của doanh nghiệp khi cho biết: "Rất nhiều doanh nghiệp hiện nay còn đang lúng túng với báo cáo phát triển bền vững, báo cáo ESG cơ bản, chứ chưa nói đến phát triển dự án tín chỉ carbon. Họ thiếu bộ phận chuyên trách, thiếu nhân sự hiểu cả về kỹ thuật lẫn tài chính. Nhiều nơi vẫn xem tín chỉ carbon là 'phụ phẩm' chứ chưa coi đó là một tài sản cần được quản trị chiến lược". Nhìn chung, khả năng tiếp cận thông tin, nguồn lực tài chính và trình độ quản trị nội bộ được xem là những rào cản quan trọng đối với sự tham gia của doanh nghiệp Việt Nam vào thị trường tín chỉ carbon.

4.4. Cơ hội và thách thức trong phát triển tín chỉ carbon

Mặc dù đối mặt nhiều rào cản, các chuyên gia đều nhìn nhận thị trường tín chỉ carbon mở ra các cơ hội chiến lược cho cả nền kinh tế và doanh nghiệp. Từ góc độ quốc gia, Việt Nam được đánh giá là có lợi thế lớn trong các lĩnh vực như rừng, nông nghiệp carbon thấp và năng lượng tái tạo. Một chuyên gia quốc tế đang làm việc tại Việt Nam nhận định: "Việt Nam đang có lợi thế rất lớn về rừng, nông nghiệp và tiềm năng năng lượng tái tạo. Nếu có chiến lược rõ ràng, Việt Nam hoàn toàn có thể trở thành nhà cung cấp tín chỉ carbon chất lượng cao cho thị trường khu vực, thu hút dòng vốn đáng kể cho phát triển xanh". Ở cấp độ doanh nghiệp, tín chỉ carbon không chỉ tạo ra nguồn thu bổ sung mà còn mang ý nghĩa chiến lược đối với khả năng cạnh tranh và tiếp cận vốn. Một đại diện doanh nghiệp phát triển dự án chia sẻ: "Khi làm nghiêm túc, tín chỉ carbon không chỉ là nguồn doanh thu bổ sung. Nó giúp doanh nghiệp tiếp cận vốn rẻ hơn, cải thiện hình ảnh ESG và mở cửa vào các chuỗi cung ứng toàn cầu đang siết chặt tiêu chuẩn carbon". Tuy nhiên, thị trường này cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro, trong đó có nguy cơ "greenwashing" (tẩy xanh) nếu chất lượng dự án và tín chỉ không được kiểm soát chặt chẽ, rủi ro biến động giá carbon và khả năng xung đột lợi ích xã hội trong các dự án rừng hoặc nông nghiệp. Một chuyên gia lâm nghiệp cảnh báo: "Nếu không thiết kế tốt cơ chế chia sẻ lợi ích, chúng ta có thể đối mặt với phản ứng từ cộng đồng địa phương - những người trực tiếp bảo vệ rừng. Khi đó, dự án có thể thất bại, và uy tín của cả thị trường tín chỉ carbon cũng bị ảnh hưởng".

5. Kết luận và khuyến nghị cho Việt Nam

Việc phát triển hoạt động giao dịch tín chỉ carbon tại Việt Nam là một bước đi chiến lược và cấp thiết để thực hiện cam kết Net Zero 2050 và thúc đẩy tăng trưởng xanh. Mặc dù Chính phủ đã nhanh chóng thiết lập khung pháp lý cho Thị trường Bắt buộc (ETS), để hoạt động giao dịch thực sự phát triển bền vững và hiệu quả, Việt Nam cần phải giải quyết dứt điểm các khoảng trống pháp lý thực thi (về kế toán, thuế đối với giao dịch) và tạo ra các cơ chế hỗ trợ tài chính mạnh mẽ nhằm giảm thiểu gánh nặng tuân thủ và đầu tư cho doanh nghiệp. Các bài học từ các quốc gia như EU (minh bạch, chế tài nghiêm ngặt), Trung Quốc (hỗ trợ tài chính lớn), và Hàn Quốc (hỗ trợ SMEs) là cơ sở quan trọng giúp Việt Nam xây dựng một hệ thống tín chỉ carbon minh bạch, hiệu quả, khai thác tối đa nguồn cung tín chỉ bù trừ chất lượng cao từ lâm nghiệp và nông nghiệp, qua đó thúc đẩy doanh nghiệp tăng cường khối lượng giao dịch và chuyển đổi công nghệ.

Để tăng cường hoạt động giao dịch tín chỉ carbon một cách hiệu quả và minh bạch, Việt Nam cần tập trung vào ba giải pháp trọng tâm: Thứ nhất, ưu tiên hoàn thiện ngay lập tức các quy định về tài chính và kế toán đối với tín chỉ và hạn ngạch, nhằm loại bỏ rủi ro pháp lý cho các hoạt động mua bán và chuyển nhượng. Thứ hai, xây dựng các cơ chế hỗ trợ tài chính có mục tiêu (vay ưu đãi, tài trợ MRV) để giảm chi phí đầu tư, qua đó khuyến khích doanh nghiệp phát thải lớn và SMEs tăng cường khả năng tạo ra và giao dịch tín chỉ bù trừ. Cuối cùng, cần nhanh chóng thiết lập Sàn giao dịch đa năng với quy chế vận hành rõ ràng, cùng với tiêu chuẩn tín chỉ quốc gia nghiêm ngặt, nhằm tăng nguồn cung tín chỉ chất lượng cao và đảm bảo niềm tin của các chủ thể tham gia vào hoạt động mua bán trên thị trường.

Tài liệu tham khảo:

Bộ Công thương (2023), Thông tư số 38/2023/TT-BCT, quy định kỹ thuật đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và kiểm kê khí nhà kính ngành công thương, ban hành ngày 27/13/2023.

Chính phủ (2022), Nghị định số 06/2022/NĐ-CP, quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, ban hành ngày 07/01/2022.

Chính phủ (2025), Nghị định số 119/2025/NĐ-CP, sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, ban hành ngày 09/06/2025.

Quốc hội (2020), Luật Bảo vệ môi trường, số 72/2020/QH14, ban hành ngày 17/11/2020.

Thủ tướng Chính phủ (2024), Quyết định số 13/2024/QĐ-TTg, ban hành danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính (cập nhật), ban hành ngày 13/08/2024.

Chu Khôi (2024), "Bán tín chỉ carbon: Tiềm năng lớn trong ngành nông nghiệp", Bán tín chỉ carbon: Tiềm năng lớn trong ngành nông nghiệp - VnEconomy, truy cập ngày 11/11/2025

Chương Phượng (2024), "Lần đầu tiên Việt Nam bán thành công tín chỉ carbon rừng với trị giá 51,5 triệu USD, Lần đầu tiên Việt Nam bán thành công tín chỉ carbon rừng với trị giá 51,5 triệu USD - VnEconomy, truy cập ngày 11/11/2025.

Cục Biến đổi Khí hậu (2025), https://dcc.mae.gov.vn/#, truy cập ngày 11/11/2025.

Dũng Nguyễn (2024), Thị trường tín chỉ carbon cần sớm thoát khỏi tình trạng 'mơ hồ', Tạp chí Kinh tế Sài Gòn online, Thị trường tín chỉ carbon cần sớm thoát khỏi tình trạng 'mơ hồ' - Tạp chí Kinh tế Sài Gòn, truy cập ngày 11/11/2025.